

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

PHAN CÔNG SỸ TIẾN

DẠY HỌC CÔNG CHIÊNG CỦA TỘC NGƯỜI
JRAI VÀ BAHNAR CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN
HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC
KHÓA I, TÂY NGUYÊN (2015-2017)

Hà Nội, 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

PHAN CÔNG SỸ TIẾN

DẠY HỌC CÔNG CHIÊNG CỦA TỘC NGƯỜI
JRAI VÀ BAHNAR CHO HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN
HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC
Mã số: 60.14.01.11

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Tạ Quang Đông

Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	8
1.1. Cơ sở lý luận về phương pháp dạy học môn Công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar cho học sinh trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật	8
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản của đề tài	8
1.1.2. Khái quát về tộc người Jrai và Bahnar ở Gia Lai	10
1.1.3. Đặc điểm âm nhạc công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar	17
1.1.4. Vai trò Công chiêng đối với cuộc sống của người Jrai và Bahnar	19
1.2. Khái quát về trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Gia Lai và thực trạng truyền dạy công chiêng	28
1.2.1. Khái quát về Trường Trung cấp VHNT Gia Lai	28
1.2.2. Thực trạng Truyền dạy Công Chiêng trong cộng đồng và tại Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật Gia Lai	31
Chương 2: DẠY HỌC CÔNG CHIÊNG THEO PHƯƠNG PHÁP MỚI THÔNG QUA BẢN	35
2.1. Thiết kế, biên soạn giáo trình giảng dạy công chiêng	35
2.1.1. Hệ thống các bài bản công chiêng giảng dạy	35
2.1.2. Tiêu chí biên soạn	35
2.1.3. Hệ thống các bài tập về kỹ thuật diễn tấu	36
2.1.4. Cách trình tấu	38
2.1.5. Kỹ thuật diễn tấu từng loại chiêng	45
2.1.6. Kỹ thuật hòa tấu	59
2.2. Các phương pháp giảng dạy	60

2.2.1. Áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống	60
2.2.2. Áp dụng phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phở	62
2.2.3. Hướng dẫn thực hành tự luyện tập	70
2.3. Thực nghiệm sư phạm	71
2.3.1. Mục đích thực nghiệm	71
2.3.2. Đối tượng thực nghiệm	71
2.3.3. Nội dung thực nghiệm	71
2.3.4. Thời gian thực nghiệm	72
2.3.5. Tiến hành thực nghiệm	72
2.3.6. Kết quả thực nghiệm	74
2.3.7. Nội dung phiếu điều tra	74
KẾT LUẬN	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO	78
PHỤ LỤC	81

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với chính sách bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc. Đặc biệt từ khi có Nghị quyết của BCH Trung ương Đảng, về “Xây dựng và phát triển một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nhà nước và các địa phương đều có những hoạt động thường niên, nhằm khơi dậy lòng tự hào về truyền thống văn hóa bản địa của chính bà con các dân tộc thiểu số. Do vậy, việc giáo dục cho thế hệ trẻ - những công dân tương lai của đất nước những hiểu biết về âm nhạc cổ truyền dân tộc, qua đó củng cố lòng tự hào, yêu mến những di sản của cha ông là việc làm góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Âm nhạc dân gian là nguồn tài sản vô cùng quý giá của mỗi dân tộc. Nước ta có một nền âm nhạc dân gian rất phong phú và đa dạng. Mỗi miền, mỗi vùng và mỗi dân tộc đều có những nét âm nhạc đặc trưng riêng của mình.

Góp phần vào việc gìn giữ và bảo tồn kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại nói chung và không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên nói riêng.

Từ những lý do trên, việc đưa âm nhạc công chiêng tộc người Jrai - Bahnar vào chương trình đào tạo Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai trở thành một vấn đề hết sức cấp thiết hiện nay.

Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài: ***Dạy học công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar cho học sinh trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Gia Lai*** cho luận văn cao học của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu

Ở Việt Nam đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa của người Jrai và Bahnar trong đó có công chiêng đã được xuất bản, được đăng trên các tạp chí, các báo... như:

2.1. Nhóm công trình nghiên cứu tổng quan không gian văn hóa công chiêng, vai trò của công chiêng trong đời sống tộc người Jrai và Bahnar

- *Nghệ thuật công chiêng*: Kỷ yếu: Liên hoan và hội thảo khoa học về công chiêng Tỉnh Gia Lai - Kon Tum – Viện nghiên cứu âm nhạc Việt Nam ấn hành năm 1986, viết về văn hóa và âm nhạc công chiêng.

- Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền biên soạn; Bùi Hoài Sơn, Nguyễn Văn Sự, Nguyễn Kim Chi... dịch *Kiệt tác di sản truyền miệng và phi vật thể của nhân loại - không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên* NXB: Thế giới ấn hành năm 2006, viết về không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, dàn chiêng và phong cách diễn tấu của các dân tộc, công chiêng trong sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội. v.v...

2.2. Nhóm công trình nghiên cứu về âm nhạc công chiêng, cấu trúc của công chiêng

- Ngô Đức Thịnh với *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên* ấn hành năm 2007, viết về đàn đá và các nhạc khí gõ của các tộc người, tình hình phát hiện, cấu trúc âm thanh của đàn đá; cấu trúc dàn nhạc của đàn đá; mối liên hệ giữa cấu trúc của đàn đá với cấu trúc của các nhạc cụ khác của các dân tộc Tây Nguyên.

- Chăm Hương Việt với *Âm vang giai điệu công chiêng trong Trung Trung bộ và Tây nguyên đặc sắc liên vùng văn hoá* ấn hành năm 1999, viết về công chiêng trong đời sống của người dân Jrai, Bahnar, đặc điểm từng bộ công chiêng.v.v...

2.3. Nhóm công trình nghiên cứu về phương pháp sử dụng công chiêng

- Hội thảo quốc tế 2009 *Sự thay đổi đời sống kinh tế xã hội và bảo tồn văn hóa công chiêng ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á* bao gồm một số bài viết về văn hóa công chiêng, cách dạy âm nhạc công chiêng.

- Bùi Trọng Hiền với *Nguyên tắc diễn tấu cơ bản của nghệ thuật công chiêng Tây Nguyên* Tạp chí Văn hóa nghệ thuật năm 2005, viết về những nguyên tắc diễn tấu công chiêng .v.v...

2.4. Ngoài ra còn có các đĩa về văn hóa công chiêng, âm nhạc công chiêng

- *Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, Việt Nam* : Gồm 01 CD - Rom và 03 DVD do Viện văn hóa thông tin.

- Trung tâm dữ liệu di sản văn hóa phát hành năm 2007, cho thấy không gian văn hóa công chiêng ở Gia Lai, Đăk Nông, Kon Tum, Lâm Đồng và Đăk Lăk, âm nhạc công chiêng Tây Nguyên. *Công chiêng trong lễ đâm trâu mừng chiến thắng* CD do Viện văn hóa thông tin.v.v...

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng phương pháp dạy học Công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar cho học sinh trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Gia Lai, chúng tôi nghiên cứu đề xuất phương thức dạy học theo phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ của môn học này trong nhà trường.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lí luận về phương pháp dạy học môn Công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar cho học sinh trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Gia Lai.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng truyền dạy công chiêng trong tộc người Jrai và Bahnar

- Nghiên cứu đề xuất một số phương thức sử dụng hiệu quả phương pháp dạy học mới thông qua bản phổ nhạc của tộc người Jrai và Bahnar, Mô hình dạy và học công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar cho học sinh triển khai trong trường chuyên nghiệp, trường trung học phổ thông, trường dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Dạy học công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar. Phương pháp dạy học gồm người dạy và người học.

Người dạy: giáo viên, nghệ nhân, cán bộ văn hóa...

Người học: học sinh là tộc người Jrai và Bahnar trong trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Gia Lai.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Trong luận văn này chỉ nghiên cứu những vấn đề cơ bản về lĩnh vực âm nhạc công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar ở tỉnh Gia Lai để đưa vào giảng dạy tại trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Gia Lai.

- Không gian: địa bàn tỉnh Gia Lai

- Thời gian: 4/2016 – 8/2017

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lí luận: Nghiên cứu, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa các tài liệu về phương pháp dạy học môn Công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar cho học sinh trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Thu thập các tài liệu, tạp chí, sách báo, các bài viết có liên quan đến vấn đề nghiên cứu ... để xây dựng cơ sở lí luận, hệ thống hóa các vấn đề về lí luận, làm tiền đề cho việc xây dựng phương thức giảng dạy cho đề tài.

- Phương pháp điều tra, khảo sát: Sử dụng phương pháp này để thu thập ý kiến, thông tin có liên quan đến thực trạng dạy học công chiêng, nhằm kiểm chứng tính khách quan của kết quả nghiên cứu.

- Phương pháp thực nghiệm: Kiểm chứng lại các kết quả nghiên cứu qua thực nghiệm tại khoa Âm nhạc – Múa, trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Gia Lai.

6. Những đóng góp của luận văn

Chuyên đề Tổng quan không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, giáo trình, băng đĩa giảng dạy công chiêng trong nhà trường. Tuy đã có rất nhiều bài viết nghiên cứu về vấn đề này (như phần lịch sử nghiên cứu vấn đề đã nêu) nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào đưa ra phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ. Đề tài dựa trên những tư liệu thành văn và tư liệu điền dã để viết luận văn. Vì vậy, đề tài mang tính kế thừa có sáng tạo.

Phương pháp giảng dạy trong nhà trường với giáo trình và phương pháp giảng dạy khoa học, hệ thống phù hợp với đặc trưng của loại hình nghệ thuật và kết hợp với phương pháp dạy học dân gian truyền miệng trước đây.

Mô hình truyền dạy công chiêng trong cộng đồng tộc người Jrai và Bahnar với đội ngũ giáo viên được đào tạo, có phương pháp giảng dạy là mô hình mang tính sáng tạo và bảo tồn có tính chất bền vững.

7. Bộ cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận văn có 2 chương

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn

Chương 2: Dạy học công chiêng theo phương pháp mới thông qua bản phổ

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lý luận về phương pháp dạy học môn Công nghệ của tộc người Jrai và Bahnar cho học sinh trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản của đề tài

1.1.1.1. Dạy học

1.1.1.2. Phương pháp

1.1.1.3. Phương pháp dạy học

1.1.2. Khái quát về tộc người Jrai và Bahnar ở Gia Lai

1.1.2.1. Giới thiệu chung về Tỉnh Gia Lai

Theo tài liệu lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai năm 1945 – 2005:

Diện tích: 15.536,9 km²

Dân số: 1.213.750 người (số liệu thống kê năm 2008)

Mã vùng: 84 – 059

Thành phố: Pleiku.

Thị xã: An Khê, Ayun Pa.

Các huyện: Đăk Pơ, Đăk Đoa, Chư Pah, Chư Prông, Chư Sê, Đứk Cơ, Ia Grai, Kbang, KrôngPa, KonChro, Mang Yang, Ia Pa, Phú Thiện, Chư Puh.

Dân tộc: Việt (Kinh), Jrai, Bahnar, Mường, Tày, Nùng...

Vị trí địa lý: Gia Lai là một tỉnh miền núi nằm ở phía bắc Tây Nguyên trên độ cao trung bình 700 - 800 m so với mực nước biển. Với diện tích 15.536,92 km², tỉnh Gia Lai trải dài từ 12°58'20" đến 14°36'30" vĩ bắc, từ 107°27'23" đến 108°54'40" kinh đông. Phía bắc Gia Lai giáp tỉnh Kon Tum, phía nam giáp tỉnh Đăk Lăk, phía tây giáp Cam-pu-chia với 90km là đường biên giới quốc gia, phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.

Khí hậu: Gia Lai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, một năm có hai mùa: mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Vùng Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình từ 2.200 đến 2.500 mm, vùng Đông Trường Sơn từ 1.200 đến 1.750 mm. Nhiệt độ trung bình năm là 22-25°C.

Đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố: 17, gồm 1 thành phố trực thuộc, 2 thị xã và 14 huyện.

Đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn: 222, gồm 24 phường, 12 thị trấn và 186 xã.

1.1.2.2. Khái quát về tộc người Jrai

Dân tộc Jrai (Jorai, Jarai, Gia Rai) là một trong 5 tộc người Mã Lai - Đa Đảo (Malayo - Polinesien) hiện đang sinh sống trên vùng đất Nam Trường Sơn - Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta (16). Địa bàn cư trú của người Jrai là từ Nam Kon Tum đến Bắc tỉnh Đắk Lắk (theo chiều bắc - nam) và từ Tây Bắc tỉnh Phú Yên đến vùng biên giới tiếp giáp với Campuchia (theo chiều đông - tây). Trong khu vực cư trú này, Gia Lai là địa bàn người Jrai sinh sống tập trung nhất.

Tại tỉnh Gia Lai, người Jrai có 354.236 người (chiếm 30,34%) tổng dân số toàn tỉnh. Khu vực cư trú chính của người Jrai là phía tây cao nguyên Pleiku (thuộc các huyện Chư Pah, Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Sê, thành phố Pleiku) và vùng trũng Cheo Reo - Phú Túc ở phía Đông Nam tỉnh (thuộc địa bàn thị xã Ayun Pa và các huyện Ia Pa, Phú Thiện, Krông Pa). Những huyện có số người Jrai nhiều nhất trong tỉnh là Chư Sê với 66.839 người; Ayun Pa (bao gồm cả huyện Phú Thiện mới chia tách) với 48.875 người; Krông Pa với 45.676 người. Người Jrai ở Gia Lai có 5 nhóm địa phương: Nhóm Jrai Chor, Nhóm Jrai Hdrung, Nhóm Jrai Aráp, Nhóm Jrai Tbuăn, Nhóm Jrai Mthur

1.1.2.3. *Khái quát về tộc người Bahnar*

Dân tộc Bahnar (Bohnar, Ba Na) là một trong những dân tộc thuộc ngữ hệ Môn- Khome. Họ là dân tộc có số dân đông nhất trong những dân tộc nói tiếng Môn- Khome miền Nam Trung Bộ. Địa bàn cư trú chủ yếu của người Bahnar là nam tỉnh Kon Tum, bắc và đông tỉnh Gia Lai. Ngoài ra, còn có một bộ phận người Bahnar sống rải rác ở các huyện phía tây của tỉnh Bình Định, Phú Yên.

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tính đến cuối năm 2006, người Bahnar có 144.656 người (chiếm 12,39% dân số toàn tỉnh). Khu vực cư trú tập trung của người Bahnar là phía đông cao nguyên Pleiku (thuộc địa bàn các huyện: Mang Yang, Đăk Đoa và xã Hà Tây, Ia Khuol (phía bắc huyện Chư Pah - trên phần đất tiếp giáp với tỉnh Kon Tum); trên cao nguyên Kon Hònong thuộc địa bàn huyện Kbang; vùng trũng An Khê thuộc các huyện Đăk Pơ, Kon Chro và 3 làng ở xã Tú Thủy, phía đông bắc thị xã An Khê. Những huyện có người Bahnar tập trung đông nhất là Đăk Đoa với 33.916 người; Kông Chro với 29.795 người, Mang Yang với 27.747 người; Kbang với 23.975 người. Người Bahnar ở Gia Lai có 5 nhóm: Bahnar Golar, Bahnar Bonâm, Bahnar Tolô, Bahnar Kon Kơđeh, Bahnar Chăm

1.1.2.4. *Khái niệm công chiêng của tộc người Bahnar và Jrai*

Người Bahnar gọi công chiêng là *ching chêng*. Trong đó, *ching* là cái không có núm, còn *chêng* là cái có núm. Hầu như người Bahnar không đặt tên riêng cho những bộ công chiêng của mình như ở người Jrai. Chủ yếu đồng bào phân biệt công chiêng bằng kích thước của chiếc lớn nhất trong bộ và căn cứ vào đó mà gọi chúng là: chiêng hai thước, chiêng thước tám, chiêng thước bảy, chiêng thước sáu.v.v...

Vậy, để thuận tiện cho cách gọi, sau đây chúng tôi xin gọi tên cho một bộ công chiêng là chiêng (theo cách gọi của người kinh hiện giờ), để thống nhất cho cách viết của luận văn này.

1.1.3. Đặc điểm âm nhạc công chiêng của tộc người Jrai và Bahnar

1.1.3.1. Hàng âm của tộc người Jrai và Bahnar

a. Hàng âm cơ bản trong bộ chiêng của người Bahnar



Theo Lều Kim Thanh và Tô Ngọc Thanh, ở đây các nốt f^1 , c^2 và g^2 thăng $\frac{1}{4}$ cung. Vị trí cao độ của hàng âm này tương ứng với thứ tự các chiêng từ 1-12 (Phần phụ lục Bảng thống kê 1.1)

b. Hàng âm cơ bản trong bộ chiêng của người Jrai



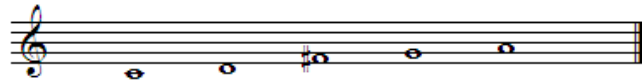
Theo Phạm Phúc Minh trong *Phát huy tính năng các dàn công chiêng trong việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở* [14, tr 229] ở đây nốt h^1 là si hoàn. Vị trí cao độ của hàng âm này tương ứng với thứ tự các chiêng từ 1-11 (Phần phụ lục Bảng thống kê 1.2)

Tên gọi và vị trí cao độ chung nhất cho hai bộ công chiêng Arap của người Bahnar và Jrai (Phần phụ lục Bảng thống kê 1.3)

1.1.3.2. Thang âm 5 âm của người Jrai và Bahnar

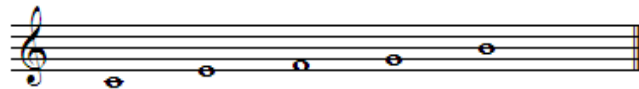
a. Thang âm 5 âm của người Bahnar

Theo Lê Xuân Hoan trong *Tìm hiểu Thang âm - Điều thức trong âm nhạc dân gian Bahnar* [12], Thang âm 5 âm cơ bản được sử dụng nhiều nhất đối với tộc người Bahnar là dạng thang âm như hình.



b. Thang âm 5 âm của người Jrai

“Dạng thang âm này thường được coi là “Điệu thức Tây Nguyên”... dạng thang 5 âm này là đặc sản của âm nhạc dân gian Jrai [12, tr114-115].



1.1.4. Vai trò Công chiêng đối với cuộc sống của người Jrai và Bahnar

1.1.4.1. Công chiêng trong đời sống tinh thần

Sự phổ biến của công chiêng trong tất cả các tộc người ở Tây Nguyên cho thấy công chiêng là một phần rất quan trọng trong cuộc sống của họ. Nó có mặt trong hầu hết các nghi lễ của cá nhân, của từng gia đình, cộng đồng và cả trong những lễ hội suốt một mùa trồng tủa của cư dân nông nghiệp. Ở vùng Ayun Pa, *Yang Potao Apui* (vua Lửa) đã tồn tại hơn nửa thiên niên kỷ với khả năng có thể "gọi mưa, trừ hạn" trong niềm tin của một bộ phận người Jrai, Bahnar, Ê Đê cũng sử dụng công chiêng như một phương tiện để giao tiếp với thần linh, đặc biệt là lễ cầu mưa.

1.1.4.2. Công chiêng trong đời sống vật chất

Nhắc đến những tài sản quý của cư dân tại chỗ Tây Nguyên, trong đó có đồng bào Bahnar và Jrai ở tỉnh Gia Lai, người ta không thể không kể đến công chiêng như một niềm tự hào của gia chủ.

Ngày nay, cùng với việc hàng hóa ngày càng phong phú, việc giao thương nội vùng và giao thương với bên ngoài ngày càng dễ dàng, việc đưa công chiêng vào Tây Nguyên không còn quá khó khăn, việc sử dụng tiền các loại ngày càng phổ biến nên công chiêng không còn được dùng trong trao đổi như những vật ngang giá..., cùng với đó, điều kiện kinh tế - xã hội

trong khu vực đồng bào Bahnar, Jrai đã có nhiều thay đổi, nhất là thay đổi trong cơ cấu cây trồng... làm cho vai trò của công chiêng trong đời sống của cư dân Bahnar, Jrai ngày càng suy giảm. Giá trị tinh thần, vật chất của công chiêng không còn được như xưa. Tuy nhiên đối với lớp người cao niên thì công chiêng vẫn là những vật linh thiêng, là nguồn tài sản không thể thay thế, có lẽ đó cũng là lý do cho đến tận hôm nay, vẫn còn có nhiều gia đình Bahnar, Jrai lưu giữ trong nhà trên 5 bộ công chiêng.

1.1.4.3. Các nghi lễ của người Bahnar, Jrai có sử dụng công chiêng

Với người Bahnar, Jrai, công chiêng và sinh hoạt văn hóa công chiêng xuất hiện thường xuyên và gắn bó với từng cá thể, từng gia đình, từng cộng đồng. Công chiêng được coi như một linh vật của cộng đồng, đó là nơi trú ngụ của thần chiêng, có sức mạnh kết giao với thần linh. Vì vậy, công chiêng trở thành một công cụ đặc biệt dùng trong nghi lễ của người Bahnar, Jrai. Họ có hệ thống các bài nhạc công chiêng gắn liền với các hệ thống nghi lễ như: nghi lễ vòng đời của con người, nghi lễ theo chu kỳ cây trồng, nghi lễ tâm linh.

1.1.4.4. Các dàn chiêng sử dụng trong nghi lễ

Theo các ông MLĩ và ông Bôk Đâu ở làng Tuờh Ktu xã Glar huyện Đăk Đoa (dân tộc Bahnar), hay ông Rơ Châm Hmut ở làng Mrông Yố 2 xã IaKa huyện Chư Păh (dân tộc Jrai), hay ông Puih Tul ở làng Yam thị trấn Ia Grai (dân tộc Jrai) thì trong Nghi lễ và âm nhạc trong nghi lễ của người Jrai, người Jrai có một số dàn chiêng được sử dụng trong các nghi lễ như sau:

- Dàn chiêng Arap
- Dàn chiêng Mnhum
- Dàn chiêng Trum (Ptrum)
- Dàn chiêng Wang

- Dàn chiêng Năm
- Dàn chiêng Kông Kleo
- Dàn chiêng H'oanh

Dàn chiêng *h'oanh* thường có mặt trong các nghi lễ và lễ hội được tổ chức với quy mô lớn, có ăn trâu, ở một số nghi lễ đặc biệt, vật hiến sinh có thể nhỏ hơn nhưng tối thiểu phải là heo thiến hoặc heo nái có trọng lượng chừng 40kg trở lên. Khi trình tấu thì di chuyển vòng tròn.

1.2. Khái quát về Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai và thực trạng truyền dạy công chiêng

1.2.1. Khái quát về Trường Trung cấp VHNT Gia Lai

Trong tình hình đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh, đời sống kinh tế, xã hội của thời bao cấp còn nhiều khó khăn nhưng với chủ trương phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo về lĩnh vực nghiệp vụ văn hóa - thông tin, đặc biệt là nghệ thuật truyền thống đặc thù các dân tộc Tây Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 1978, trên cơ sở đồng ý thông qua của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ra Quyết định số 186/VHTT-QĐ công bố về việc thành lập Trường Trung học Văn hoá - Nghệ thuật Tây Nguyên (đặt tại tỉnh Gia Lai - Kon Tum, Trường có nhiệm vụ đào tạo học sinh trung học Văn hóa - Nghệ thuật cho các tỉnh khu vực Tây Nguyên và duyên hải miền Trung).

1.2.1.1. Cơ sở vật chất

Khi mới thành lập Trường được đặt tại một dãy nhà Khu gia binh của chế độ cũ. Năm 1993 sau khi Trường được bàn giao về cho Tỉnh và chuyển về cơ sở mới với diện tích 1,3 ha tại địa chỉ 236 Phạm Văn Đồng, thị xã Pleiku, tiếp tục được đầu tư xây dựng tương đối khang trang.

Với định hướng ổn định, phát triển lâu dài bền vững, năm 2008, Trường một lần nữa di chuyển về cơ sở mới tại số 140 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chi Lăng Tp. Pleiku

1.2.1.2. Đội ngũ cán bộ giáo viên

Theo số liệu năm 11/2016.

Tổng số: 53; Trong đó: Biên chế cơ hữu được giao: 45; Hiện có: 44; NĐ 68: 07; Hợp đồng: 02.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 12, Cử nhân: 31, CĐ: 01, Trung cấp CN: 04, Trình độ Khác: 05.

Đang theo học Sau đại học: 01; Sau Đại học hình thức tự túc: 04.

Nghiên cứu sinh: 01.

1.2.1.3. Học sinh

Theo số liệu 11/2016.

Hệ chính quy toàn trường: Tổng số: 219; Nam: 119, Nữ: 100; Dân tộc Kinh: 53; Jrai: 120; Bahnar: 24; Dân tộc khác: 22.

Hệ đào tạo liên thông: Tổng số: 190, gồm 04 lớp học.

1.2.2. Thực trạng Truyền dạy Công Chiêng trong cộng đồng và tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai

1.2.2.1. Thực trạng

Từ trước tới nay, việc truyền dạy văn hóa công chiêng trong vùng đồng bào Bahnar, Jrai trên địa bàn tỉnh Gia Lai diễn ra một cách tự phát thông qua hình thức truyền dạy trong cộng đồng.

Những năm gần đây, cụ thể là từ năm 2014 đến 2017 trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Gia Lai đã đưa môn học Công chiêng vào chương trình đào tạo cho tất cả các chuyên ngành đào tạo của nhà trường. Nhưng giáo viên giảng dạy vẫn chủ yếu là những giáo viên dạy ngành âm nhạc được đưa đi dự học các lớp truyền dạy công chiêng của nghệ nhân giảng

dạy, hoặc các lớp chỉnh chiêng của các Phòng văn hóa huyện tổ chức. Như vậy việc giảng dạy của nhà trường hay giáo viên giảng dạy vẫn dừng ở cách thức truyền dạy theo dân gian, truyền khẩu và truyền nghề là chính, chưa có giáo trình, giáo án hay cách học theo phương pháp bản phổ mới.

1.2.2.2. Các dự án giúp đỡ bảo tồn của Chính quyền các cấp

Ngoài ra còn có các chương trình, dự án truyền dạy công chiêng có sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước như: Lớp chỉnh chiêng - tạc tượng do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì năm 2010 tại trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật; Lớp chỉnh chiêng - tạc tượng do Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh và Du lịch chủ trì thực hiện năm 2011; Dự án chuyên giao kỹ thuật dạy đánh công chiêng cho lớp học Bahnar - Jrai trên địa bàn huyện Đăk Đoa do phòng Văn hóa thông tin huyện chủ trì năm 2012; Lớp chỉnh chiêng - tạc tượng do trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai thực hiện tại huyện Đức Cơ năm 2013-2014, tại huyện Chư Puh năm 2015. Hình thức này được xem như hình thức tổ chức lớp học với giáo trình, số tiết, giáo viên lên lớp theo giờ quy định nhưng trên thực tế vẫn mang tính truyền khẩu nhiều hơn vì học viên đi học chủ yếu là người Bahnar, Jrai ở địa phương chưa hề được học về âm nhạc, lại học trong một thời gian ngắn, giáo trình gần như chỉ mang tính hình thức.

Tiểu kết

Nói đến giá trị của công chiêng Tây Nguyên nói chung, Bahnar, Jrai nói riêng, trước hết người ta hiểu rằng, đó là một linh khí của văn hóa tộc người. Văn hóa công chiêng Tây Nguyên là một giá trị văn hóa dân gian tổng hợp nhiều loại hình, gắn chủ yếu với nghi lễ, lễ hội. Vì vậy, khi nói đến văn hóa công chiêng cần phải hiểu rằng, đó không đơn thuần chỉ là âm nhạc công chiêng, là nghệ thuật đánh công chiêng mà bao gồm cả không gian lễ hội, nghi thức đánh chiêng và điều kiện cụ thể cho việc sử dụng các

bài chiêng cùng với âm nhạc công chiêng... Nếu tách ra khỏi không gian lễ hội, âm nhạc công chiêng không thể phản ánh đúng được thực chất của giá trị văn hóa này.

Trước thực trạng này, chúng tôi bước đầu áp dụng phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ của môn học công chiêng vào giảng dạy cho học sinh là người dân tộc thiểu số của nhà trường. Bước đầu tiến hành xây dựng giáo trình, chương trình ngành học, hướng dẫn giảng dạy, nhằm giáo dục văn hóa bản sắc, truyền thống của địa phương, góp phần bảo tồn và phát triển văn hóa cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên nói chung và người Jrai, Bahnar nói riêng; sự phạm và chuyên nghiệp hóa việc dạy học công chiêng cho đối tượng người học là học sinh, sinh viên của trường Văn hóa nghệ thuật Gia Lai.

Chương 2

DẠY HỌC CÔNG CHIÊNG THEO PHƯƠNG PHÁP MỚI THÔNG QUA BẢN PHỔ

2.1. Thiết kế, biên soạn giáo trình giảng dạy công chiêng

2.1.1. Hệ thống các bài bản công chiêng giảng dạy

Trong chương trình đào tạo ngành âm nhạc của trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Gia Lai thì thời lượng dành cho bộ môn công chiêng là 30 tiết. Vì vậy, với thời lượng hạn hẹp như vậy nên chúng tôi chỉ đơn cử một số bài chiêng tiêu biểu của hai tộc người Bahnar và Jrai để giảng dạy:

- Bài Dăm Thing (Lễ bỏ mả), đội chiêng tộc người Jrai, làng Bô, huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai, do H'Mai-Sỹ Tiến ký âm.

- Bài Kấp Ô Xa Ja, đội chiêng tộc người Bahnar, làng Leng Tô, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai, do H'Mai-Sỹ Tiến ký âm.v.v...

- Bài Lễ bỏ mả, đội chiêng tộc người Bahnar, làng Leng Tô, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai, do H'Mai-Sỹ Tiên ký âm.

- Bài Xa Kpô, đội chiêng tộc người Jrai, làng Kzang, huyện Kông Long Khong, tỉnh Gia Lai, do H'Mai-Sỹ Tiên ký âm.

- Pech (Pơ thi), đội chiêng tộc người Jrai, làng Bô, huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai, do H'Mai-Sỹ Tiên ký âm. (Xem phần phụ lục)

2.1.2. Tiêu chí biên soạn

- Đáp ứng được mục tiêu đào tạo của môn học và chuyên ngành đào tạo của nhà trường

- Từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

- Phù hợp chương trình đào tạo về thời gian lên lớp và thời gian thực hành.

2.1.3. Hệ thống các bài tập về kỹ thuật diễn tấu

2.1.3.1. Các loại dùi dùng để đánh chiêng

Dùi đánh được làm bằng nhiều chất liệu gỗ khác nhau, nhưng chủ yếu vẫn là những loại cây có sẵn trong thiên nhiên hoặc được trồng ở xung quanh nơi ở của người dân như: cây Nất, cây Smich, cây Aran, cây mì (sắn). Chiều dài của dùi khoảng 20 - 25cm, đường kính khoảng 2 – 2,5cm. Có thể chia làm 3 loại dùi như sau: Dùi vừa, Dùi gỗ mềm, Dùi bịt đầu:

2.1.3.2. Kỹ thuật đánh chiêng

a. Các yêu cầu

Người đánh chiêng đòi hỏi phải có kỹ thuật điều luyện trong cách cầm dùi và cách đánh chiêng, phải nắm bắt được kỹ thuật của ngón tay, khuỷu tay, cườm tay, cùi tay và lòng bàn tay để đóng mở, bịt, chặn âm, vuốt âm hoặc tạo bồi âm.

b. Nhiệm vụ của tay

Khi đánh, tay phải cầm dùi, tay trái cầm chiêng và có nhiệm vụ ngắt tiếng. Dùi được đánh vào tâm của chiêng hoặc điểm gần tâm tùy theo nhu cầu diễn tấu của từng chiếc chiêng.

c. Các kỹ thuật đánh chiêng

Với các chiêng nhỏ hoặc vừa thì người đánh buộc dây vào chiêng có thể đeo vào vai hoặc cầm bằng tay. Tay trái có nhiệm vụ bịt lên mặt sau của chiêng để ngắt âm, nhằm tạo ra hiệu quả âm thanh tùy vào nhiệm vụ của chiếc chiêng mình đảm nhiệm là vang hay ngắt.

Với các công (chiêng lớn) âm thanh phát ra to, vang, dày, tay trái không đủ lớn để ngắt âm thì người đánh sử dụng cả hông và đùi dựa vào cạnh chiêng để ngắt âm.

Ngoài ra, người đánh có thể chơi với kỹ thuật vê (tremolo) trên các chiêng bằng cách rung cùi tay của tay dùi hoặc chơi với kỹ thuật nảy âm (staccato) thì bằng cách ngắt tiếng do tay trái hoặc đùi đảm nhiệm.

2.1.4. Cách trình tấu

Thực tế cách đánh công chiêng như sau: Nhóm đánh chiêng được xếp theo vòng cung, theo thứ tự đi đầu là hai người khiêng trống cái Hgor Deh, tiếp theo là bộ công (chiêng có núm) gồm các chiêng Ania, chiêng Ciêl, chiêng Pot, tiếp đến là bộ phận chiêng không núm, chiêng Đing và chiêng P'yong, sau đó đến nhóm Knah, lần lượt là Knah Pokha, Knah Pokha Ayao, Knah P'yong, và cuối cùng là nhóm Hluai, lần lượt là Hluai Pkha Hnua, Hluai Pokha Ayao, Hluai P'yong. Riêng chũm chọe (ring rai) và lục lạc (nếu có) có thể đi sau cùng hoặc có thể đi cùng với trống cái.

2.1.4.1. Mô hình tiết tấu cơ bản

Trích đoạn tổng phổ (phần giai điệu) bài chiêng *Kapo Xa Ja* (đàn công chiêng Bahnar), Ký âm: H'Mai –Sỹ Tiến.

Nhìn có vẻ phức tạp nhưng hiệu quả của giai điệu lại chỉ có:

Cuối cùng là hiệu quả của giai điệu khi kết hợp cùng với phần đệm như sau:

2.1.4.2. Nhịp độ

Cơ bản tất cả các bài chiêng của người Bahnar đều chơi ở tốc độ chậm hoặc chậm vừa (Andantino hoặc Andante), còn người Jrai thì chơi ở

tốc độ vừa phải (Moderato), cũng có bài chơi ở tốc độ Allegro (loại này rất hiếm gặp).

2.1.4.3. Giai điệu bài chiêng

Giai điệu của các bài chiêng thường viết ở dạng hai hoặc bốn nhịp và lặp đi lặp lại cho đến khi dừng bài (cấu trúc vuông vắn của câu đoạn, người chơi có thể kết thúc bài bất kỳ chỗ nào khi họ muốn). Nhạc trưởng hay người giảng dạy chỉ cần thuộc một tiết nhạc của một bài nhạc thì có thể dạy hết bài.

Ví dụ: các tông phổ khi tách rời

Trích tông phổ bài chiêng A Rum (Lễ đâm trâu) của người Jrai, do đội chiêng làng Bô, IaGrai, Gia Lai, Ký âm H'Mai-Sỹ Tiên.



Đây là toàn bộ phần giai điệu của bài chiêng, dưới đây là tách riêng từng phần giai điệu.



Như vậy, riêng phần giai điệu 1 ta thấy chỉ có một tiết nhạc duy nhất gồm 4 ô nhịp, tiết thứ 2 lặp lại nguyên dạng tiết 1. Điều đó có thể khẳng định rằng chỉ cần thuộc tiết 1 nhạc trên thì có thể dạy hết toàn bài.

Phân tích phần giai điệu 2.



Ta thấy ô nhịp 1, 2 với ô nhịp 5, 6 có khác nhau đôi chút, nhưng đến ô nhịp 3, 4 và 7, 8 thì lại hoàn toàn giống nhau.

2.1.5. Kỹ thuật diễn tấu từng loại chiêng

Để thuận tiện cho việc giảng dạy, người dạy cần tách từng phần riêng của từng chiếc chiêng để giảng dạy. Sau đây chúng tôi hướng dẫn mẫu, cụ thể và chi tiết cho từng chiếc chêng của bài chiêng Dăm Thing (Lễ hội bỏ mả), đội chiêng người Jrai ở làng Bô, huyện IaGrai. Do H'Mai – Sỹ Tiên ký âm. Cần giảng dạy từ vị trí nốt trầm nhất cho đến nốt cao nhất của bài chiêng và giảng dạy từng phần một.

2.1.5.1. *Trống cái (Hgor Deh hoặc Sogor Tih)*

2.1.5.2. *Chiêng Ania hoặc chiêng Juhu*

2.1.5.3. *Chiêng Ciêl (Mung) hoặc chiêng Chê Chê (Chiel)*

2.1.5.4. *Chiêng Pot (Mong) hoặc chiêng Bơ Bê Jông (Pêt dur)*

2.1.5.5. *Chiêng Đinh (Đot) hoặc chiêng Bơ Bê Côh (Pêt ier)*

2.1.5.6. *Chiêng P'yong hoặc chiêng Djoong*

2.1.5.7. *Chiêng Knah pokha hnua hoặc chiêng Môông*

2.1.5.8. *Chiêng Knah pokha ayao hoặc chiêng Pgleh*

2.1.5.9. *Chiêng Knah P'yong hoặc chiêng Kon Djoong*

2.1.5.10. *Chiêng Hluai pokha hnua hoặc Kon Môông*

2.1.5.11. *Chiêng Hluai pokha ayao hoặc Kon Pgleh*

2.1.5.12. *Chiêng Hluai P'yong hoặc Sau Djoong*

2.1.6. Kỹ thuật hòa tấu

Là lời biểu diễn “động”, kỹ thuật kích âm, chỉnh âm của người biểu diễn biến hóa khôn lường, làm cho giai điệu âm nhạc lúc trầm bổng, lúc mơ màng du dương, lúc bi tráng hào hùng, lúc lại da diết bi thương... Do mỗi nhạc công không đứng một chỗ, với lời kết hợp so le trước – sau, nhanh – chậm nên hiệu quả giai điệu của bài chiêng sẽ trải rộng trong không gian

ứng với các vị trí khác nhau của người diễn tấu. Để làm được điều đó đòi hỏi ở mỗi nhạc công một bản lĩnh tiết tấu thật vững vàng, một tai nghe thật tinh tế, sự phối hợp điều luyện

2.2. Các phương pháp giảng dạy

2.2.1. Áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống

Theo các nghệ nhân người Bahnar, Jrai như: MLĩ và Bôk Đâu ở làng Tuờh Ktu xã Glar huyện Đăk Đoa (dân tộc Bahnar); Rơ Châm Hmut ở làng Mrông Yô 2 xã IaKa huyện Chư Păh (dân tộc Jrai); Puih Tul ở làng Yam thị trấn Ia Grai (dân tộc Jrai), người Bahnar, Jrai giảng dạy bằng phương pháp truyền khẩu và truyền ngón.

Những người giảng dạy này vừa phải làm nhiệm vụ của một nhạc trưởng, vừa phải là nhạc công giỏi nhất. Phải thuộc tổng phổ và phải biết phân công cho từng nhạc công theo năng khiếu để đảm nhận phần nốt của mình (những nhạc công có năng khiếu nổi trội thì được chơi các chiêng đảm nhiệm phần giai điệu và trống cái, còn những nhạc công có năng khiếu bình thường thì chơi ở vị trí phần đệm chũm chọe hoặc lục lạc hoặc các chiêng đồng âm).

Họ đều sử dụng âm tượng thanh để đọc giai điệu, giai điệu được đọc đến vị trí chiêng nào thì chỉ vào chiêng đó, lúc đó người đánh sẽ gõ chiêng theo hiệu lệnh của người hướng dẫn. Tập từ chậm cho đến nhanh, đến khi các vị trí chiêng thuộc nằm lòng thì mới thôi. Khi phần giai điệu đã hoàn chỉnh thì tiếp theo họ hướng dẫn tiếp các bè phụ và ghép chúng lại cho đến khi hoàn chỉnh một bài chiêng.

2.2.2. Áp dụng phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ

2.2.2.1. Phương pháp dùng lời

2.2.2.2. Phương pháp trực quan

2.2.2.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành – luyện tập

2.2.2.4. *Phương pháp tập tiết tấu*

2.2.2.5. *Đạy học bằng phương pháp học theo nhóm*

2.2.2.5. *Học trực tiếp từ nghệ nhân*

2.2.3. *Hướng dẫn thực hành tự luyện tập*

Với công chiêng, mỗi một chiếc chiêng sẽ cho ra một nốt trong giai điệu của bài chiêng. Vì vậy khi học sinh đảm nhiệm chiếc chiêng nào thì giáo viên chỉ hướng dẫn phần đánh của chiếc chiêng đó thông qua bản phổ. Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tự luyện tập theo các bước đã được hướng dẫn chi tiết ở phần trên.

2.3. Thực nghiệm sư phạm

2.3.1. Mục đích thực nghiệm

Nhằm đánh giá và so sánh tính khả thi trong việc áp dụng Phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ so với Phương pháp giảng dạy truyền thống, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm với học sinh trong dạy học môn Công chiêng tại Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Gia Lai.

2.3.2. Đối tượng thực nghiệm

- Học sinh lớp Âm nhạc 3, khóa 2014-2017
- Giáo viên tiến hành thực nghiệm: Phan Công Sỹ Tiến

2.3.3. Nội dung thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành chia đôi lớp ra hai nhóm. Nhóm 1 học theo phương pháp dân gian, nhóm 2 học theo phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ

Thời lượng giảng dạy hoàn chỉnh một bài chiêng là 30 giờ. Vì vậy, với thời gian 60 phút, chúng tôi chỉ đơn cử và soạn giáo án giảng dạy cho một chiếc chiêng: Chiêng Đỉnh (Đot)/chiêng Bơ Bết Còh (Pêr ier) bài chiêng Dăm Thing (Lễ hội bỏ mả), đội chiêng người Jrai ở làng Bô, huyện IaGrai. Do H'Mai – Sỹ Tiến ký âm.

2.3.4. Thời gian thực nghiệm

Thời gian triển khai: Được thực hiện trong năm học 04/2017

2.3.5. Tiến hành thực nghiệm

Thời gian triển khai: Chúng tôi tiến hành dạy bài: Cách đánh Chiêng Đinh (Đot)/chiêng Bơ Bê Cồh (Pêr ier) trong bài chiêng Dăm Thing.

Tiểu kết:

Để giảng dạy được một bài chiêng đòi hỏi người dạy phải nắm bắt được Hệ thống các bài tập về kỹ thuật diễn tấu, các loại dùi dùi để đánh chiêng, các yêu cầu nhiệm vụ của tay và các kỹ thuật đánh chiêng; Cách trình tấu, mô hình tiết tấu cơ bản, nhịp độ, giai điệu bài chiêng; Kỹ thuật hòa tấu; phải biết kết hợp Phương pháp giảng dạy truyền thống và Phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ thì mới đảm bảo được tính chất của bài chiêng.

Để có một bản nhạc chiêng hay, các nhạc công phải đánh thật đều tay, không thể có người đánh mạnh hoặc người đánh nhẹ. Nếu không sẽ làm gãy giai điệu của bài nhạc, khi cần vang, tiếng chiêng phải vang thật đều, khi cần ngắt thì phải ngắt thật đều.

KẾT LUẬN

Đề tài thực hiện nhằm truyền dạy cho người học kiến thức tổng quan nhất về nguồn gốc cồng chiêng, các loại cồng chiêng, vai trò của cồng chiêng trong đời sống người Bahnar, Jrai; Âm nhạc cồng chiêng; Hàng âm, thang âm 5 âm của tộc người Bahnar, Jrai; Phương pháp dạy học cồng chiêng theo dân gian; phương pháp dạy học cồng chiêng theo khoa học âm nhạc, Hệ thống các bài tập về kỹ thuật diễn tấu, các loại dùi dùi để đánh chiêng, các yêu cầu nhiệm vụ của tay và các kỹ thuật đánh chiêng; Cách trình tấu, mô hình tiết tấu cơ bản, nhịp độ, giai điệu bài chiêng; Kỹ thuật hòa tấu; Phương pháp giảng dạy mới thông qua bản phổ, phương pháp

dùng lời, phương pháp trực quan, phương pháp hướng dẫn thực hành - luyện tập, phương pháp tập tiết tấu, phương pháp học theo nhóm...

Bằng nhiệt huyết, chúng tôi cố gắng thực hiện đề tài này nhằm đưa vào giảng dạy môn học công chiêng trong Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, rất mong nhận được nhiều sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, các thầy cô giáo dạy nhạc cùng đồng đảo những người quan tâm.